

Bản án số: 86/2022/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2022/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V; trụ sở: Phường H, quận Đ, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Phường A, Quận B, Thành phố H1;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy S, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo Văn bản ủy quyền số 2065/2022/UQ-PGD ngày 01/6/2022 và số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020; (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty T; trụ sở: Phường C, quận G, Thành phố H1;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Hoàng Thanh X, là đại diện theo pháp luật, giám đốc công ty; địa chỉ: Phường D, quận N, Thành phố H1; (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Hoàng Thanh X, sinh năm 1986; địa chỉ: Phường D, quận N, Thành phố H1; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/4/2022 của nguyên đơn Ngân hàng V và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty T (gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng V (gọi tắt là Ngân hàng V) theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019 (ngày ngân hàng phê duyệt chấp thuận) có hạn mức 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 29,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản tín dụng cấp cho Công ty T được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Hoàng Thanh X theo Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019. Khoản tín dụng cấp cho Công ty T không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Công ty T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền phát sinh trong kỳ là 2.551.122.511 đồng và đã trả cho nguyên đơn số tiền trong kỳ là 2.420.470.900 đồng. Do Công ty T không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng V đã nhiều lần nhắc nhở Công ty T trả nợ còn lại nhưng bị đơn vẫn không trả.

Theo đối chiếu bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 30/9/2022, Công ty T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc, lãi và phí quá hạn là 143.460.612 đồng (trong đó: nợ gốc là 99.993.438 đồng, nợ lãi quá hạn 39.684.574 đồng, phí quá hạn là 3.782.600 đồng, lãi trong hạn không đồng).

Ngân hàng V khởi kiện và yêu cầu Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng V các khoản nợ tính đến ngày 30/9/2022, theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019 như sau:

- Nợ gốc: 99.993.438 đồng;
 - Nợ lãi quá hạn: 39.684.574 đồng;
 - Nợ phí quá hạn: 3.782.600 đồng;
- Tổng cộng nợ gốc và lãi, phí là: 143.460.612 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2022, Công ty T vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày Công ty T thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn thanh toán, nếu Công ty T không thanh toán hết số nợ nêu trên thì bà Lê Hoàng Thanh X phải có trách nhiệm trả thay Công ty T toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng V, theo Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X tới Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X cũng như không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Ngân hàng V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng V đã ký hợp đồng tín dụng với Công ty T theo như nội dung vụ án đã trình bày, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V là có cơ sở chấp nhận. Đến hạn thanh toán mà Công ty T chưa trả hết nợ cho ngân hàng thì bà Lê Hoàng Thanh X phải có trách nhiệm trả thay bị đơn các khoản nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện: Công ty T có vay tiền qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng V có Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019, do đó có cơ sở xác định giữa Công ty T và Ngân hàng V có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Do Công ty T không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng V được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của Công ty T tại Công an Phường Đ, Quận G, Thành phố H1, kết quả xác minh Công ty T hiện có địa chỉ tại Phường C, quận G, Thành phố H1. Do Công ty T có địa chỉ trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X, nhưng tại phiên tòa hôm nay, Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty T thỏa thuận vay tiền của Ngân hàng V, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng (thể hiện theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019) được ký giữa Công ty T với Ngân hàng V và Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019 được ký giữa bà Lê Hoàng Thanh X với Ngân hàng V cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã sửa đổi, bổ sung và Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã sửa đổi, bổ sung, tại khoản 2 Điều 3 quy định: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*; tại khoản 2 Điều 91 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*; ngoài ra, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cũng có quy định tại khoản 2 Điều 8. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận; nhận thấy lãi suất và phí các bên đương sự thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét Ngân hàng V trình bày nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Công ty T có hạn mức 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 29,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản tín dụng cấp cho Công ty T được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Hoàng Thanh X theo Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Công ty T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền phát sinh trong kỳ là 2.551.122.511 đồng và đã trả cho Ngân hàng V số tiền trong kỳ là 2.420.470.900 đồng, sau đó bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho nguyên đơn nữa. Ngân hàng V đã nhiều lần nhắc nhở Công ty T trả nợ còn lại nhưng Công ty T vẫn không trả. Do Công ty T đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019 nên Ngân hàng V yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc, lãi suất quá hạn, phí quá hạn tính đến ngày 30/9/2022 là 143.460.612 đồng (trong đó: nợ gốc là 99.993.438 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.684.574 đồng, nợ phí quá hạn là 3.782.600 đồng) là có cơ sở.

Căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Điều 292, trong đó có biện pháp bảo lãnh; căn cứ khoản 1 Điều 335 quy định: *“Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*; khoản 2 Điều 335 quy định: *“Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh*

không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”. Ngoài ra, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 còn quy định trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó; trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại.

Xét Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019 được ký giữa bà Lê Hoàng Thanh X với Ngân hàng V có thỏa thuận bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký giữa bên được bảo lãnh và bên ngân hàng, hợp đồng cho vay hạn mức ngày 21/6/2019, các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này. Ngoài ra, Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019 còn thỏa thuận nghĩa vụ bảo lãnh của bà Lê Hoàng Thanh X trong trường hợp đến hạn thanh toán mà Công ty T không thanh toán hết các khoản nợ cho nguyên đơn thì bà Lê Hoàng Thanh X phải có trách nhiệm trả thay Công ty T toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu các khoản nợ nhưng Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 143.460.612 đồng nên xem như Công ty T và bà Lê Hoàng Thanh X đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận bị đơn còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thỏa thuận.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng V nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu thu hồi lại số tiền vay còn nợ và tiền lãi, phí là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật và sự thỏa thuận của các bên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2022 là 143.460.612 đồng (trong đó: nợ gốc là 99.993.438 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.684.574 đồng, nợ phí quá hạn là 3.782.600 đồng); kể từ ngày 01/10/2022, Công ty T vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày Công ty T thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán trên, nếu Công ty T không thanh toán hết số nợ trên thì bà Lê Hoàng Thanh X phải có trách nhiệm trả thay Công ty T toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng V, theo Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

[3]. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí Tòa án của Chính phủ, yêu cầu của

nguyên đơn Ngân hàng V được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm là 7.173.031 đồng đối với khoản nợ mà Công ty T phải trả là 143.460.612 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng cho Ngân hàng V theo biên lai thu số AA/2021/0048212 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 292, Điều 335, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

- Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn, phí quá hạn tính đến ngày 30/9/2022, theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019 là 143.460.612 (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn sáu trăm mười hai) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là 99.993.438 (Chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng;

+ Nợ lãi quá hạn là 39.684.574 (Ba mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi bốn) đồng;

+ Phí quá hạn là 3.782.600 (Ba triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày 01/10/2022, Công ty T vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày Công ty T thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/6/2019.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên, nếu Công ty T chưa thanh toán hết các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng V thì bà Lê Hoàng Thanh X phải có trách nhiệm trả thay Công ty T các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng V, theo Hợp đồng bảo lãnh số MBD/H09/19/0116/HDBL ngày 21/6/2019.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.173.031 (Bảy triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi một) đồng đối với khoản nợ mà Công ty T phải trả là 143.460.612 (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn sáu trăm mười hai) đồng.

Ngân hàng V được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0048212 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V, Công ty T, bà Lê Hoàng Thanh X đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Gò Vấp;
- Thi hành án DS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

